

Tín ngưỡng dân gian vùng đồng bằng sông Hồng

Phùng Thị An Na¹

¹ Viện Nghiên cứu Tôn giáo, tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Email: phunganna81@gmail.com

Nhận ngày 21 tháng 9 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 10 năm 2016.

Tóm tắt: Đồng bằng sông Hồng là cái nôi của các loại hình tín ngưỡng, lễ hội dân gian Việt Nam. Trong đời sống tinh thần của người dân nơi đây, sinh hoạt tín ngưỡng chiếm một vị trí quan trọng. Những đặc điểm của hệ thống tín ngưỡng vùng đồng bằng sông Hồng cũng chính là đặc điểm của tín ngưỡng dân gian Việt Nam, phản ánh đậm nét nhân sinh quan, bản sắc văn hóa của người Việt. Những loại hình tín ngưỡng phong phú và đa dạng của khu vực này đang được phục hồi với nhiều biểu hiện cả tích cực và tiêu cực. Điều đó cho thấy sự đặc sắc và sự sôi động của đời sống tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Tín ngưỡng dân gian, đồng bằng sông Hồng.

Abstract: The Red River Delta is the cradle of many folk beliefs and festivities in Vietnam. Religious activities play an important role in the spiritual life of the people in the region. The characteristics of the belief system of the Red River Delta are identical to those of the Vietnamese folk beliefs, reflecting profoundly the Vietnamese outlook on life and cultural identity. Rich and diversified types of belief have been restored in the area, in both positive and negative manners.

Keywords: Traditional beliefs, Red River Delta.

1. Mở đầu

Trong sinh hoạt tinh thần của người dân ở khu vực đồng bằng sông Hồng hiện nay, tín ngưỡng dân gian chiếm một vị trí khá quan trọng trong cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và trong sinh hoạt của cộng đồng làng, xã. Các hoạt động tín ngưỡng dân gian đã phần nào thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt văn

hóa, tinh thần của nhân dân, nâng cao giá trị đạo đức, lối sống của người Việt và góp phần không nhỏ trong việc củng cố, bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Vì vậy, cần phải nhận diện được thực trạng của các loại hình tín ngưỡng dân gian, xu hướng vận động, biến đổi của chúng, hiểu được vì sao các hoạt động tín ngưỡng đã và đang trở thành nhu cầu không thể thiếu

trong đời sống tâm linh của người Việt. Bài viết này góp phần làm rõ thêm hệ thống tín ngưỡng dân gian vùng đồng bằng sông Hồng.

2. Hệ thống các nhiên thần

Ở khu vực đồng bằng sông Hồng, hệ thống các nhiên thần được hình thành từ rất sớm bởi những lý do sau:

Thứ nhất, điều kiện tự nhiên đóng vai trò quyết định đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của người dân nơi đây. Tất cả những diễn biến của thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng... ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và sinh hoạt của người dân, vì thế, đối với họ, giới tự nhiên càng “thuần”, càng “hiên” (không gây thiên tai) thì càng thuận lợi cho cuộc sống của họ. Từ trong tâm thức, họ luôn mong cầu thiên nhiên mưa thuận gió hòa để họ có thể yên tâm làm ăn, sinh sống. Từ đó, nảy sinh nhu cầu tôn thờ những “vị thần” thuộc giới tự nhiên.

Thứ hai, với một nền kinh tế thuần nông, tương đối lạc hậu, công cụ lao động thô sơ nên người Việt xưa ở đồng bằng sông Hồng chủ yếu nương tựa vào tự nhiên, sống nhờ vào tự nhiên. Khi chưa biết trồng trọt, chăn nuôi, nguồn thức ăn sẵn có từ thiên nhiên cũng đủ nuôi sống con người thời đó. Đây là: quả ngọt trên cành; cá dưới sông, suối; thỏ, sóc, hươu, nai trong rừng... Qua quá trình lao động (săn bắt, hái lượm), con người dần biết tạo ra công cụ lao động, dù rất thô sơ nhưng cũng giúp họ thuận lợi hơn trong việc mưu sống. Có thể nói, với điều kiện dân số trong lịch sử, nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam khá dồi dào, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu của con người. Do vậy, người Việt ở đồng bằng sông Hồng

coi giới tự nhiên chính là nguồn sống của mình, coi tự nhiên như là người bạn thân thiết, gắn bó chặt chẽ với mình, từ đó mà có thái độ “hòa”, “tuân phục” giới tự nhiên, tạo nên thế ứng xử “hòa mình” với thiên nhiên, tôn trọng quy luật tự nhiên của người Việt [7, tr.44].

Tín ngưỡng thờ nhiên thần của người Việt ở đồng bằng sông Hồng vô cùng phong phú và đa dạng, các đối tượng được tôn thờ trong loại hình tín ngưỡng này trước hết là bà Trời, bà Đất, bà Nước - những nữ thần cai quản các hiện tượng tự nhiên, quan trọng nhất, thiết thân nhất đối với cuộc sống của người làm nông. Tiếp theo đó là các thần Mây, Mưa, Sấm, Chớp - những hiện tượng tự nhiên có vai trò hết sức to lớn trong cuộc sống của cư dân nông nghiệp lúa nước. Khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, nhóm nữ thần này được nhào nặn thành hệ thống Tứ Pháp: Pháp Vân (thần Mây) thờ ở chùa Bà Đậu, Pháp Vũ (thần Mưa) thờ ở chùa Bà Đậu, Pháp Lô (thần Sấm) thờ ở chùa Bà Tướng, Pháp Điện (thần Chớp) thờ ở chùa Bà Dàn (các chùa này đều thuộc tỉnh Bắc Ninh) [1, tr.133-134].

Thờ sơn thần là một hiện tượng phổ biến ở Việt Nam, thể hiện thành một hệ tương đối thống nhất - hệ Sơn Tinh - Tản Viên. Ở Việt Nam, Tản Viên được người Kinh và người Mường thờ cúng ở nhiều nơi, nhưng tập trung nhất là ở đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là khu vực núi Ba Vì - vùng đất gốc của hệ sơn thần ở nước ta.

Trong mảng tín ngưỡng sùng bái giới tự nhiên còn có việc thờ động vật. Rắn là loài phổ biến hơn cả ở vùng sông nước, do vậy, thuộc loại động vật được sùng bái hàng đầu ở Việt Nam. Trong văn hóa dân gian của người Việt ở đồng bằng sông Hồng, rắn là một hình tượng phổ biến và có sức ám

ảnh mạnh mẽ nhất. Có thể thấy tục thờ rần ở các đền dọc theo sông Hồng, sông Cầu, sông Đuống và qua các di tích, lễ hội [7, tr.44].

3. Tín nữ trong tín ngưỡng

Có một điều đặc biệt là, nếu như ở các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao... yếu tố nữ có phần bị “coi nhẹ”, thì trong lĩnh vực văn hóa, trong hệ thống tôn giáo, tín ngưỡng của người Việt, yếu tố nữ lại có phần “nổi trội”. Thậm chí, các nhà nghiên cứu văn hóa còn cho rằng, văn hóa của người Việt thiên về Âm tính/Mẫu tính hơn. Điều đó thể hiện trong ngôn ngữ. Những gì to, lớn, vĩ đại đều được gọi là *cái*: sông cái, đường cái, cột cái, ngón cái, trổng cái, thúng cái... Còn trong hệ thống tín ngưỡng, tôn giáo của Việt Nam, hình ảnh người phụ nữ đã được đưa lên điện thờ và xem họ như một lực lượng siêu nhiên và làm chủ thế giới thần linh. Từ đó hình thành một thứ tín ngưỡng thờ nữ thần, thờ Mẫu (hay còn gọi là đạo Mẫu) mà trên thế giới chưa có quốc gia nào có loại hình tín ngưỡng/tôn giáo này. Tín ngưỡng thờ Mẫu ở đồng bằng sông Hồng được xem là phát triển hơn cả.

Cùng với đó, ở đồng bằng sông Hồng còn có hệ thống tín ngưỡng thờ Tứ Pháp (thờ các hiện tượng thiên nhiên mây, mưa, sấm, chớp - Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện). Tín ngưỡng Tứ Pháp là sự hợp phối giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian Việt Nam, trong đó, đối tượng được tôn thờ và thánh hóa cũng mang tính *nữ* (Phật Mẫu Man Nương²). Trong các huyền thoại, truyền thuyết của Việt Nam, các vị nữ thần cũng được đồng nhất với lực lượng siêu nhiên tạo lập bản thể của vũ trụ (như nữ thần Mặt Trời, nữ thần Mặt Trăng, bà

Nữ Oa đội đá vá trời, đắp núi, khơi sông). Các yếu tố mang tính bản thể vũ trụ (như kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) cũng đều được gắn với yếu tố nữ (bà kim, bà mộc, bà thủy, bà hỏa).

Trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở đồng bằng sông Hồng, yếu tố nữ nổi trội thể hiện trên những chiều cạnh sau:

Thứ nhất, đối tượng được tôn thờ là nữ, người phụ nữ được đồng nhất với các vị thần tối cao có khả năng sáng tạo, bảo trợ và che chở cho sự sống của con người. Các nhân vật lịch sử có thật như hoàng thái hậu, hoàng hậu, công chúa và những người phụ nữ có công với nước, các nhân vật nữ gắn với các điển tích, huyền thoại đều được tôn thành các nữ thần và được đưa vào các đền, chùa, miếu, phủ để thờ³.

Thứ hai, chủ tế/chủ lễ của các loại hình tín ngưỡng này trước đây chủ yếu là phụ nữ. Đạo Mẫu gọi là các cô đồng, bà đồng, hiện nay, xuất hiện thêm cô đồng là nam giới (gọi là cậu đồng, ông đồng), nhưng những người đàn ông này khi đứng giá hầu đồng, làm lễ cũng phải hóa trang, tô son điểm phấn cho giống với phụ nữ, về mặt tâm sinh lý, ở họ ít nhiều có sự lệch chuẩn về giới tính.

Thứ ba, tín đồ⁴ của tín ngưỡng thờ Mẫu/đạo Mẫu cũng chủ yếu là phụ nữ. Bởi phụ nữ là những người có nhiều thời gian nhàn rỗi hơn, là người chủ gia đình, coi sóc “âm phần” của cả gia đình, họ tộc, nên họ đi theo các buổi lễ, các buổi hầu đồng, đến các đền, chùa, miếu, phủ để cầu cúng cho cả gia đình [6, tr.144].

4. Đối tượng thờ cúng

Các đối tượng thần linh được thờ cúng bao gồm cả *phúc thần* và *tà thần*. Các đối

tượng thần linh được thờ cúng có cả *nhân thần* và *nhiên thần*, giữa nhân thần và nhiên thần có sự giao thoa, thâm nhập lẫn nhau hoặc nhân thần hóa và nhiên thần hóa diễn ra song song.

Một trong những điểm nổi bật về sự đan xen, hòa đồng trong hệ thống tín ngưỡng dân gian ở đồng bằng sông Hồng là hiện tượng thờ phối. Bất cứ nơi thờ tự của loại hình tín ngưỡng dân gian nào ở nơi đây, chúng ta cũng được chứng kiến cách thờ phối. Các vị thánh, thần, tiên, phật... đến người có công với dân, với nước đều quây quần và ngồi chung trong một điện thờ.

Tín ngưỡng thờ Mẫu kết hợp với khá nhiều các loại hình tín ngưỡng khác, trong đó, nổi bật là sự kết hợp với tín ngưỡng thờ thần. Ở các địa phương khác nhau, sự có mặt của các thần trong các đền, miếu, phủ thờ Mẫu cũng có sự khác biệt nhất định. Các thần được thờ có thể là Đức Thánh Trần, có thể là các thành hoàng làng, có thể là những người có công với cộng đồng, làng, xã, và cũng có khi là những con vật được nhân cách hoá.

Trong Phủ Tây Hồ - Hà Nội, nơi thờ thần chủ Mẫu Liễu Hạnh, ngoài cung cấm nơi Thánh Mẫu ngự còn có Tam toà Thánh Mẫu thờ Mẫu Thượng Thiên, Mẫu Thượng Ngàn, Mẫu Thoái, có Lầu Cô, Lầu Cậu, có ban thờ Hội đồng thờ Vua cha Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu, có điện thờ quan Ngũ Dinh (Ngũ Hổ) và thờ nhị vị Long xà (Thanh xà, Bạch xà)...

Tín ngưỡng thờ Mẫu và Phật giáo cũng có mối quan hệ khá gắn bó với nhau. Phật giáo vào Việt Nam kết hợp dung hoà với hệ thống tín ngưỡng bản địa, trong đó có tín ngưỡng thờ Mẫu đã tạo nên một dòng Phật giáo độc đáo mang màu sắc riêng

của Việt Nam. Truyền thuyết Man Nương do được nhà sư Khâu Đà La vô tình bước qua người mà sinh ra Thạch Quang Phật và sinh ra hiện tượng Tứ Pháp, sau đó Man Nương đã trở thành Phật Mẫu Man Nương, hay sự việc bà Chúa Liễu Hạnh quy phục Phật tổ Thích Ca Mâu Ni trong trận “Sùng Sơn đại chiến” ở Thanh Hoá là những minh chứng rõ ràng nhất về mối quan hệ giữa tín ngưỡng thờ Mẫu và Phật giáo. Từ đó, tín ngưỡng thờ Mẫu có mặt trong khuôn viên của các ngôi chùa thờ Phật. Hiện nay, trong rất nhiều ngôi chùa ở nhiều vùng, miền trên cả nước, đặc biệt trong các ngôi chùa ở vùng đồng bằng sông Hồng đều phổ biến cách bài trí tượng thờ theo kiểu tiền Phật, hậu Mẫu. Trong các ngôi chùa đó, ban thờ Mẫu được đặt bên cạnh ban thờ Phật, hoặc ban thờ Mẫu đặt ở đằng sau - hậu cung hay nhà tổ của ngôi chùa thờ Phật. Trong đó, Mẫu Liễu thường chiếm vị trí vô cùng trang trọng tại những nơi thờ cúng này. Tín đồ Phật giáo đến chùa không chỉ lễ Phật mà còn lễ Mẫu, cầu mong Phật, Mẫu ban cho sức khoẻ, bình an, mùa màng tốt tươi, no đủ.

Sự đan xen, hoà đồng của tín ngưỡng dân gian ở đồng bằng sông Hồng còn thể hiện rõ ở nơi đình, đền, miếu thờ thành hoàng, mà trong đó, số đông thành hoàng là các vị anh hùng dân tộc: anh hùng dân tộc Phùng Hưng được nhân dân làng Hòa Mục, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội thờ làm thành hoàng làng; anh hùng dân tộc Lý Thường Kiệt được làng ở thôn Lộ Bao, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh thờ làm thành hoàng làng; anh hùng dân tộc Trần Thủ Độ được làng Khuống, xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà, Thái Bình thờ làm thành hoàng làng...

5. Vị trí của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên

Trong những năm gần đây, thành tựu của sự nghiệp đổi mới đã đưa đất nước ta chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cơ cấu xã hội truyền thống ở nông thôn hay đời sống xã hội thành thị đều có những thay đổi lớn. Trước cuộc sống mới bận bịu công việc, con người có nhiều nhu cầu quan trọng như việc làm, gia đình, học tập, vui chơi, giải trí... Đồng thời nhu cầu tinh thần tâm linh từng bước phục hồi nâng cao, đặc biệt là nhu cầu thoả mãn lòng mong muốn tri ân tổ tiên đã có công sinh thành, xây đắp, gìn giữ cuộc sống đến ngày hôm nay. Việc thờ phụng tổ tiên ở đồng bằng sông Hồng đã thu hút sự tham gia của mọi thành viên trong mỗi gia đình, ngoài xã hội, không phân biệt địa vị, tuổi tác...

Từ xưa, người Việt Nam nói chung và người Việt ở đồng bằng sông Hồng nói riêng luôn xem cái chết như là một cuộc đoàn tụ với ông bà tổ tiên. “Sinh ký, tử quy” mà vẫn không xa rời cháu con. Như thế, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt không hướng người ta về một cái gì siêu việt, mầu nhiệm và xa xôi, không có tham vọng dẫn đưa con người lên Thiên Đàng, nhập Niết Bàn hay cõi Thiên Thai nào đó, mà chỉ mong được về với tổ tiên mình. Mặt khác, biết ơn và tôn kính tổ tiên là một chuyện, thờ cúng tổ tiên lại là chuyện khác! Làm người, ai cũng biết ơn và tôn kính tổ tiên mình. Bất kỳ một dân tộc nào, một tôn giáo nào cũng có phần dạy về lòng biết ơn và tôn kính tổ tiên. Song nói đến tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên là nói đến những đặc điểm trong niềm tin,

và biểu lộ trong niềm tin đó là cả một quan niệm sống, một ý nghĩa của cuộc đời con người. “Sống chết có nhau”, hạnh phúc thực sự khi được cùng chia sẻ với những người thân yêu của mình. Người sống, kẻ chết dù không nhìn thấy nhau, nhưng vẫn còn đó những mối liên hệ chặt chẽ trong sự tôn kính, tưởng nhớ và trong những hành vi cụ thể như thắp một nén nhang, đặt một bài vị lên bàn thờ [10, tr.31].

Những biểu hiện tích cực trên đã tạo nên một truyền thống tốt đẹp của con người Việt Nam nói chung và người Việt ở đồng bằng sông Hồng nói riêng; thể hiện khơi dậy lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà, cha mẹ; giáo dục truyền thống giữ gìn đạo lý làm người đối với gia đình, dòng họ, làng xã và dân tộc. Những giá trị nhân văn truyền thống này là nền tảng quan trọng cho việc tiếp nhận các tinh hoa văn hóa nhân loại, trong quá trình con người Việt Nam hoà nhập với thế giới.

6. Sự đan xen giữa sinh hoạt tín ngưỡng dân gian và sinh hoạt tôn giáo

Sự đan xen điển hình nhất giữa sinh hoạt tín ngưỡng dân gian với sinh hoạt tôn giáo thể hiện trong mối quan hệ giữa tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên với các tôn giáo như Nho - Phật - Đạo, Công giáo. Hầu hết các làng xã của người Việt ở đồng bằng sông Hồng hiện nay đều chú ý đến giá trị tâm linh và tham gia tu sửa, hành lễ dâng cúng tại các đền, miếu, đình, chùa. Sự linh thiêng huyền diệu của Đạo giáo; tư tưởng về nhân, nghĩa, lễ, trí, tín của Nho giáo; triết lý nhân bản của Phật

đã làm sâu sắc thêm quan niệm về thờ cúng tổ tiên. Giữa tam giáo và tín ngưỡng dân gian, trong đó có thờ cúng tổ tiên có mối quan hệ chặt chẽ. Chúng đan xen, thâm nhập vào nhau, cùng tồn tại trong lịch sử và trong hiện tại. Nhiều người theo Phật giáo tổ chức cúng giỗ ở nhà chùa. Cổ do nhà chùa làm là cỗ chay, người nhà hương nhang, lễ bái. Người dân thường mời nhà sư đọc kinh siêu độ, để siêu thoát cho vong linh người quá cố vào dịp 49 hay 100 ngày, hoặc cũng có nhiều nhà gửi hậu lên chùa, ở đó thường có bàn thờ vong.

Qua khảo sát một số khu vực theo Công giáo ở đồng bằng sông Hồng, những gia đình tín đồ hiện nay đều thấp hương cúng giỗ tổ tiên, bàn thờ tổ tiên được đặt dưới bàn thờ Chúa. Trong hôn lễ, ngoài việc đến nhà thờ, cô dâu, chú rể cũng làm lễ gia tiên tại nhà theo phong tục truyền thống. Ở những vùng lương giáo xen kẽ, có gia đình giáo dân cũng theo tục cải táng. Việc trưng bày ảnh, tượng, dâng hoa đối với những người có công với nước cũng là việc làm thường xuyên của một số giáo dân. Ngày giỗ, người nhà giáo dân cũng đi viếng mộ, thấp hương. Đó cũng là những việc làm thiết thực thể hiện lòng hiếu kính với tổ tiên, và cũng phù hợp với lời khuyên của Chúa Kitô với con chiên là phải hiếu thảo với cha mẹ khi còn sống.

7. Xu hướng vận động của tín ngưỡng dân gian vùng đồng bằng sông Hồng

Thứ nhất, các loại hình tín ngưỡng dân gian hiện nay đang có xu hướng phục hồi mạnh mẽ, thu hút đông đảo nhân dân

tham gia, thu hút sự quan tâm của toàn xã hội

Những năm qua, đời sống tín ngưỡng tôn giáo trong nhân dân khu vực đồng bằng sông Hồng có chiều hướng phát triển với những biểu hiện phong phú. Cái hay, cái dở, cái lành mạnh, cái không lành mạnh luôn đan xen nhau. Biểu hiện của mặt tích cực là các cá nhân có xu hướng tự tu dưỡng, giữ gìn đạo đức theo kiểu “tu nhân tích đức”, hướng thiện, phục thiện trong hoàn cảnh xã hội nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, hệ thống các giá trị chuẩn mực đang bị đảo lộn, đạo đức xã hội xuống cấp, tệ nạn xã hội phát triển... Đó còn là xu hướng quay trở lại gìn giữ truyền thống thờ cúng tổ tiên, thờ các anh hùng dân tộc, thờ Mẫu... Điều đó góp phần làm tăng thêm tình cảm cộng đồng; khôi phục lại những biểu tượng văn hoá truyền thống; biểu hiện của đạo lý “uống nước nhớ nguồn”. Biểu hiện tình cảm biết ơn, nhớ ơn công sinh thành, nuôi dưỡng con cháu trưởng thành với một tâm lý như một lôgic hiển nhiên: có tổ tiên ông bà, cha mẹ mới có mình, mang nặng đẻ đau hy sinh hết thảy mong con lớn khôn từng giờ. Ông bà, cha mẹ mất đi con cháu phải có nghĩa vụ tôn thờ, từ việc thờ cúng đã trở thành truyền thống. Ngày giỗ, tết là ngày anh em xa, gần tụ hội, gia đình đông đủ quây quần bên bàn thờ tổ tiên để tưởng nhớ đến công đức của tổ tiên và công lao của ông bà cha mẹ, mọi người đều như thấy trách nhiệm của mình phải cố gắng hơn nữa để đền đáp công ơn của tổ tiên làm rạng danh truyền thống của gia đình. Đồng thời, qua lễ cúng tổ tiên mọi người có điều kiện để bình tâm, thư thái, đề rời hỏi han, động viên nhau, lo cho cái chung của gia đình, dòng họ,

làng xã, phố phường và cao hơn là dân tộc, đất nước.

Thứ hai, một số tín ngưỡng dân gian vận động theo xu hướng đời thường hoá, gắn với sinh hoạt văn hoá cộng đồng

Xuất phát từ quan niệm “trần sao, âm vậy”, việc thắp hương thờ cúng tổ tiên đã trở thành quen thuộc, phổ biến trong mỗi gia đình người Việt ở đồng bằng sông Hồng. Thờ cúng tổ tiên ngoài trách nhiệm đạo lý vốn là truyền thống có hình thức giản dị, không mất nhiều thời gian, lại thiết thực (trước là cúng tổ tiên, sau là con cháu được thụ lộc), con cháu nhớ đến tổ tiên thì cúng, năng cúng bái là tỏ rõ lòng hiếu thảo của mình đối với tổ tiên, ắt vong hồn cũng vui mừng. Vì thế, truyền thống này dễ đời thường hoá trong mọi gia đình người Việt nơi đây, dù nông dân hay trí thức, dù con trưởng hay con thứ, giàu hay nghèo, trai hay gái... phù hợp với quy luật tình cảm và bản chất tự nhiên của con người. Do đó khi làm bất cứ việc gì người ta cũng thường xuyên thắp hương khấn vái tổ tiên phù hộ như: ốm đau, bệnh tật, sinh nở, buôn bán, học hành, thi cử, gia đình nề nếp, con cái ngoan ngoãn...

Đời thường hóa không chỉ ở trong mỗi gia đình mà còn gắn với sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Nhiều địa phương trong khu vực đã có những phong trào quần chúng như: phát huy đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, “xoá đói giảm nghèo”, “xây dựng gia đình văn hoá, làng, xã, phường văn hoá”, khu vực dân cư kiểu mẫu, quỹ khuyến học, tưởng niệm các anh hùng dân tộc (hội Đền Hùng, hội Đền Gióng...). Các phong trào đó nêu rõ truyền thống đánh giặc giữ làng; bảo vệ thuần phong mỹ tục; hình

thành một số nghi thức mới trong việc cưới, việc tang, lễ hội; cải tạo phong tục tập quán lạc hậu.

Giá trị văn hoá của truyền thống này còn thể hiện ở tư tưởng coi trọng đạo đức gia đình, trọng tình cảm trên dưới giữa con người. Từ chỗ coi trọng tình cảm huyết thống “chung giọt máu đào”, người Việt nâng lên thành tình cảm của một cộng đồng dân tộc, cùng chung một bọc “đồng bào”. Vì thế, mọi người Việt Nam bất kỳ ở đâu cũng phải thân ái, tin cậy, đoàn kết, giúp đỡ nhau.

Thứ ba, xu hướng mê tín hóa tín ngưỡng dân gian

Hiện nay, không ít người tham dự vào các hoạt động tín ngưỡng dân gian không phải bằng cái tâm thành kính, hướng về cội nguồn, mà mang tính chất vụ lợi, để cầu điều gì đó rất cụ thể cho bản thân, gia đình của mình... Trông chờ vào thần thánh, trông chờ vào thế lực siêu nhiên xuất hiện ở nhiều người và tầng lớp người trong xã hội.

Như án đền Trần (Nam Định) ban đầu chỉ là chiếc án cầu an, trừ tà, trấn yểm, theo nguyên tắc của Đạo giáo, không biết từ bao giờ đã bị đẩy lên thành án cầu quan. Bất chấp việc lên tiếng “giải thiêng” của các nhà nghiên cứu về lá án đền Trần, người dân vẫn “đổ xô” tới xin, để được thăng quan tiến chức. Hay đền Bà Chúa Kho là minh chứng điển hình cho cái gọi là “sáng tạo” truyền thống, đã thay đổi chức năng của nhân vật thờ cúng, từ một người giữ kho lương của triều đình được huyền thoại hóa lên thành bà chúa giữ tiền, bà chúa của “kim ngân”, thành nơi để cầu lợi lộc. Hằng năm, khách từ khắp nơi trong cả nước về đây dâng hương, lễ vật không phải vì lòng tôn kính công lao và phẩm hạnh của bà với đất nước, mà đều có ý nguyện được bà phù

hộ, độ trì để “ăn nên, làm ra”, giàu sang, phú quý.

Một sinh hoạt tín ngưỡng dân gian khác cũng bị lạm dụng là hoạt động lên đồng hay “hầu đồng” trong tín ngưỡng thờ Mẫu ở các đền, phủ tại khu vực đồng bằng sông Hồng. Đây là sinh hoạt tín ngưỡng được tích hợp rất nhiều yếu tố văn hóa, văn nghệ dân gian đặc sắc như hát chầu văn, múa, diễn xướng dân gian... Mỗi “giả đồng” là hình thức diễn xướng dân gian kể về công trạng của những nhân vật có công cứu giúp con người, xây dựng bảo vệ quê hương, xóm làng. Nhưng ngày nay, các “con nhang đệ tử” đi theo dự các giá hầu không vì mục đích tìm hiểu những giá trị văn hóa truyền thống đích thực để giáo dục, răn dạy con người, mà chủ yếu để cầu “thánh” điều gì đó, có khi là giải tai ương, hạn ách hoặc cầu tài lộc, công danh... Những người theo đuổi sinh hoạt tín ngưỡng dạng này phải đầu tư không ít tiền bạc, thời gian, công sức. Bên cạnh đó, đã xuất hiện một bộ phận người lợi dụng niềm tin tôn giáo, tín ngưỡng để trục lợi. Núp dưới danh nghĩa một sinh hoạt văn hóa dân tộc bản địa đặc sắc, nhiều giá đồng được dựng lên ở các đền, phủ, “đồng cô”, “đồng cậu” thoải mái phán truyền những điếm không có cơ sở khoa học.

Thứ tư, xu hướng thương mại hoá tín ngưỡng dân gian

Các tín ngưỡng dân gian đều có những lễ hội đặc trưng, chính là biểu hiện cụ thể, sinh động cho sức sống của tín ngưỡng. Nhưng thời gian gần đây, chúng ta thường nhắc đến vấn đề thương mại hóa, thực dụng hóa lễ hội tín ngưỡng dân gian. Lý do chính của thực trạng này là việc quá chạy theo đồng tiền mà bất chấp những hậu quả tiêu cực có thể tác động đến lễ hội tín ngưỡng.

Do tác động của mặt trái kinh tế thị trường nên có xu hướng giá trị kinh tế đang lấn át giá trị văn hóa, từ đó dẫn đến nhận thức sai lệch về mục đích tổ chức lễ hội, coi di tích và lễ hội là nguồn lợi riêng, là lợi ích nhóm nên tập trung khai thác giá trị kinh tế... Thậm chí còn có tư tưởng mê mẩn cao cổ đầy, lễ lạt nặng quả thì được lộc nhiều, theo kiểu “tốt lễ dễ kêu”. Mục đích thực dụng, “trần sao âm vậy” tràn vào lễ hội, đình chùa. Người ta rải tiền vào chôn linh thiêng như “hồi lộ thánh thần”, cầu xin tiền tài, lộc lá số sàng, không còn nét thanh thoi, chiêm bái như trước nữa, đã vắng đi nhiều những ước nguyện chân tâm thâm kín.

Nhiều người lợi dụng việc tổ chức lễ hội tín ngưỡng để kiếm lợi nhuận bằng cách kinh doanh các loại hình dịch vụ ăn theo (như ăn, nghỉ, bán hàng thu tiền với giá quá đắt, quảng cáo tràn lan, buôn thần, bán thánh). Tình trạng đặt lễ thuê, khăn vái thuê, bói toán, đặt hòm công đức tràn lan, tạo dựng các di tích mới để thu tiền. Hiện nay, hầu như các di tích đều tràn lan các ban thờ, hòm công đức, đĩa đặt tiền giọt dầu, thậm chí một góc cây với vài nén nhang cũng đặt hòm công đức, dẫn đến việc đặt tiền vung vãi, gây phản cảm.

8. Kết luận

Tín ngưỡng dân gian vùng đồng bằng sông Hồng là một trong những thành tố không thể thiếu tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Các loại hình tín ngưỡng phong phú, phản ánh sinh động nhân sinh quan của người Việt, phản ánh những giá trị tinh thần cốt lõi, điển hình của con người và dân tộc Việt Nam. Mỗi một loại hình tín ngưỡng đều ẩn chứa những minh triết của

cha ông ta từ ngàn xưa, góp phần nuôi dưỡng tình cảm, giáo dục truyền thống cho con cháu ngày nay. Với ảnh hưởng đậm nét của các loại hình tín ngưỡng dân gian ở khu vực đồng bằng sông Hồng, chúng ta cần có một ý thức bảo tồn, có những biện pháp bảo lưu và gìn giữ những yếu tố tích cực, khắc phục những hạn chế đang đặt ra từ các tín ngưỡng, góp phần làm giàu thêm kho tàng văn hóa của dân tộc.

Chú thích

² Xem tích Man Nương và Khâu Đà La trong *Lĩnh Nam chích quái* của Vũ Quỳnh.

³ Theo Ngô Đức Thịnh, ở Việt Nam, chưa ai thống kê một cách hệ thống và đầy đủ các nữ thần được nhân dân tôn vinh và thờ phụng. Tuy nhiên, không ngần ngại khi cho rằng việc thờ phụng này đã có từ rất lâu đời và phổ biến ở nhiều dân tộc, ở đồng bằng cũng như miền núi, ở cả nông thôn lẫn đô thị. Trong cuốn *Di tích lịch sử văn hóa Việt Nam* đã giới thiệu, trong số 1.000 di tích, đã có 250 di tích thờ cúng các nữ thần và danh nhân là nữ. Riêng xung quanh quần thể di tích Phủ Dầy thờ Mẫu Liễu, có hơn 20 đền miếu thờ các nữ thần.

⁴ Tín đồ của đạo Mẫu không phải là những người được giáo hội hay tôn giáo thừa nhận, có đức tin tuyệt đối vào chúa hay thánh thần của đạo, phải thực hiện đầy đủ các lễ nghi, phép tích, giới răn, giới luật của tôn giáo đó... Tín đồ của tín ngưỡng thờ nữ thần và của đạo Mẫu là những con nhang, đệ tử. Con nhang là những người đã làm lễ đội bát nhang/bát hương, gửi bản mệnh của mình (bát hương) vào một đền phủ nào đó để cầu thần linh che chở. Hàng tháng, cứ ngày mùng một và rằm phải đến đền phủ mà mình gửi bát hương để cúng lễ. Còn đệ tử là những người chưa gửi bát hương vào đền phủ, nhưng có lòng tin vào sự linh thiêng của Thánh Mẫu, do đó, vào dịp lễ tết hay những

buổi lên đồng họ cũng đến tham dự và cầu xin Thánh Mẫu ban tài lộc.

Tài liệu tham khảo

- [1] Toan Ánh (2005), *Nếp cũ tín ngưỡng Việt Nam (quyển Thượng)*, Nxb Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
- [2] Nguyễn Duy Hình (1996), *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, t.1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Trần Minh Hoàng (2010), “Hình tượng rắn qua tục thờ và huyền thoại”, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số 5-6.
- [5] Nguyễn Đức Lữ (Chủ biên) (2007), *Góp phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [6] Phùng Thị An Na (2015), “Bình đẳng giới nhìn từ góc độ tôn giáo, tín ngưỡng - trường hợp thờ Mẫu ở Việt Nam”, *Văn hóa tôn giáo với phát triển bền vững ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
- [7] Phùng Thị An Na (2015), “Mối quan hệ con người - tự nhiên qua tín ngưỡng thờ nhiên thần ở Việt Nam”, Tạp chí *Giáo dục lý luận*, số 7.
- [8] Ngô Đức Thịnh (Chủ biên) (2001), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [9] Ngô Đức Thịnh (2009), *Đạo Mẫu Việt Nam*, t.1, 2, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
- [10] Phạm Thị Thuận (2007), *Báo cáo tổng quan đề tài khoa học cấp cơ sở “Thực trạng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên ở Hà Nội hiện nay”*, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
- [11] Vũ Anh Tú (2010), *Tín ngưỡng phồn thực trong lễ hội dân gian người Việt ở Châu Thổ Bắc Bộ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [12] Trần Quốc Vượng (1996), “Nguyên lý mẹ của nền văn hóa Việt Nam”, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số 12.

